

Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN, *thực trạng và giải pháp*

○ PGS.TS. NGUYỄN SINH CÚC

Trong hơn 20 năm đổi mới, kinh tế-xã hội và đời sống của dân cư nông thôn tuy có được cải thiện cả tinh thần và vật chất, song bên cạnh đó môi trường sinh thái lại bị ô nhiễm theo xu hướng ngày càng nghiêm trọng. Môi trường đất, nước, không khí, thảm thực vật, rác thải, chất thải rắn, mùi... ở khu vực này đều bị ô nhiễm với các mức độ khác nhau với nhiều nguyên nhân và yếu tố tác động. Các yếu tố làm ô nhiễm môi trường nông thôn những năm qua và hiện nay được thể hiện qua thực trạng sau:

Một là: Ô nhiễm môi trường do phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX). Sau 17 năm phát triển KCN.KCX, (1991-2007) cả nước đã xây dựng 150 KCN với diện tích đất tự nhiên là 32.325 ha, chủ yếu là đất nông nghiệp vùng nông thôn ngoại ô các thành phố thị xã. Diện tích đất đã lấp đầy trong các KCN là 21.367 ha, chiếm 53,4% tổng diện tích đất quy hoạch. Đóng góp của các KCN.KCX cho nền kinh tế là rất lớn, thông qua các chỉ tiêu tăng trưởng công nghiệp, giải quyết việc làm cho người lao động, làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Tuy nhiên tác động tiêu cực của các KCN đối với tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái đất nước, khí hậu cũng không nhỏ. Theo kết quả khảo sát của Đề tài "Đánh giá hiệu quả quản lý KCN ở một số địa



phương" của (Liên hiệp các Hội KHKT-VN 10-2007) cho thấy: nước thải của KCN Sông Công (Thái Nguyên) chưa đủ tiêu chuẩn xả ra ngoài môi trường đặc biệt là xả vào các con suối hay kênh mương dẫn nước tưới tiêu của người dân nơi đây. Cụ thể mức độ ô nhiễm nước thải KCN: hàm lượng Zn cao hơn tiêu chuẩn từ 2 đến 4,5 lần; hàm lượng NH₄ cao hơn 1,4 đến 3 lần, đặc biệt nước thải nhà máy gạch Việt Ý, hàm lượng chất lơ lửng của điểm xả rất cao 2212,9mg/1lít cao hơn tiêu chuẩn 22 lần. Môi trường không khí của KCN này cũng bị ô nhiễm nặng, nhất là không khí xung quanh nhà máy Kẽm: Mức độ ô nhiễm không khí ở nhà máy kẽm thuộc KCN Sông Công cao hơn TCVN từ 2 lần đến 13,46 lần, nhất là lượng bụi và khí NO₂. Các KCN tại các địa phương

khác, tình trạng ô nhiễm môi trường, đất, nước, không khí, tiếng ồn, bụi, mùi và đặc biệt các chất thải rắn, thảm thực vật còn nặng nề hơn. Nguyên nhân của thực trạng đó là do nhiều KCN chưa quan tâm đến xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải, mùi hôi, bụi công nghiệp... Chung cả nước, hiện chỉ có 33 KCN/150 KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Số còn lại chưa có hoặc có nhưng không đồng bộ, gây ô nhiễm môi trường nước cho các vùng nông thôn ven KCN.

Hai là: Ô nhiễm môi trường tại các làng nghề nông thôn, các cơ sở chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản tại các vùng ngoại ô thành phố, thị xã, thị trấn còn nghiêm trọng hơn. Đó là ô nhiễm môi trường tại các làng nghề

sản xuất vật liệu xây dựng, xi măng, gạch ngói, sắt thép, mía đường, giấy, thủy sản, đá... Hiện cả nước có trên 1200 làng nghề tại các khu vực nông thôn sản xuất đủ các loại sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm... Bên cạnh các yếu tố tích cực, làng nghề nông thôn còn tạo ra vô vàn chất thải rắn, rác thải, nước thải, tăng tiếng ồn, tăng bụi công nghiệp... còn nghiêm trọng hơn các KCN tập trung. Rất ít làng nghề có hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải, nước thải nên mức độ ô nhiễm môi trường rất cao.

Một số nhà máy chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản gần khu vực nông thôn cũng góp phần rất lớn làm ô nhiễm môi trường và sản xuất nông nghiệp. Các nhà máy chế biến nông sản, thủy sản như mía đường, xay xát gạo, chế biến thức ăn chăn nuôi, chế biến thủy sản chủ yếu đều gắn với các vùng sản xuất nguyên liệu tại các vùng nông thôn ven đô cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nông thôn. Riêng 400 nhà máy chế biến thủy sản, phần lớn đặt tại các vùng nông thôn mỗi năm đã thải ra môi trường khoảng 160-180 nghìn tấn chất thải rắn, 8-12 triệu m³ nước thải.

Ba là: Ô nhiễm môi trường do đô thị hoá nông thôn. Quá trình đô thị hoá nông thôn đi cùng hàng loạt nhà máy, công xưởng vừa và nhỏ, tiểu thủ công sản xuất đủ các loại sản phẩm công nghiệp cũng tạo ra sức ép về môi trường. Đô thị hoá đến đâu diện tích cây xanh, mặt nước, mạch nước ngầm giảm đến đó, đồng thời tăng tiếng ồn và bụi công nghiệp. Thí dụ vùng đô thị mới Vĩnh Yên, Phúc Yên, Hương Canh (Vĩnh Phúc) với các ngành nghề gạch, ngói, sành.. phát triển nhanh đến chóng mặt kèm theo các yếu tố làm ô nhiễm môi trường

đất, nước, không khí, bụi, tiếng ồn suốt hàng chục km ven quốc lộ II là thí dụ điển hình.

Bốn là: Ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp cũng rất nghiêm trọng. Trong nông nghiệp, nhiều vùng và địa phương vẫn có xu hướng chạy theo lợi ích trước mắt, chưa quan tâm đến năng suất và sản lượng cây trồng vật nuôi, tăng trưởng cao bằng mọi giá. Tình trạng sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu, diệt cỏ, thuốc kích thích tăng trưởng... quá mức dẫn đến mất cân đối môi trường sinh thái đất, nước, không khí và vệ sinh an toàn thực phẩm. Thêm vào đó tình hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi một cách tự phát, manh mún, nhất là chuyển đất trồng lúa, rừng phòng hộ sang nuôi trồng thủy sản quảng canh vùng ven biển Nam Trung bộ và bán đảo Cà Mau đã gây hậu quả nặng nề về môi trường, sinh thái. Tình trạng đốt phá rừng, kể cả rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng sinh thái để làm nương rẫy, nhất là trồng cà phê ở Tây Nguyên diễn ra trong nhiều năm qua cũng phá vỡ cân bằng sinh thái, giảm tỷ lệ phủ đất rừng và để lại hậu quả nặng nề.

Năm là: Ô nhiễm môi trường trong các khu chăn nuôi tập trung. Những năm gần đây, để hạn chế lây lan dịch bệnh gia súc gia cầm do chăn nuôi phân tán, thả rong gây ra, nhiều địa phương đã phát triển các khu chăn nuôi tập trung, chăn nuôi trang trại (năm 2007 cả nước có 16708 trang trại chăn nuôi). Bên cạnh các yếu tố tích cực như tăng khả năng phòng trừ dịch bệnh, vệ sinh thôn xóm, tăng trưởng chăn nuôi... các khu chăn nuôi tập trung lại phát sinh vấn đề ô nhiễm môi trường rất nghiêm trọng.

Tình trạng ô nhiễm môi trường

nông thôn những năm qua và hiện nay là nghiêm trọng, đang làm giảm đáng kể tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước và ảnh hưởng lớn đến sức khoẻ cộng đồng, nhưng chưa được quan tâm là bài học đắt giá, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn...

Nguyên nhân có nhiều, trong đó đáng chú ý là: về nhận thức của các cấp các ngành, các chủ doanh nghiệp, KCN, làng nghề, của mỗi người dân nông thôn đối với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái nông thôn chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển bền vững. Cơ chế, chính sách đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường sinh thái chưa thoả đáng. Tổ chức chỉ đạo phối hợp của các ngành, các cấp trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Hội Nông dân các cấp về phát triển bền vững chưa quyết liệt, thiếu đồng bộ và hiệu quả thấp

Giải pháp: Bảo vệ môi trường sinh thái nông thôn là vấn đề quan trọng của phát triển kinh tế nông thôn và sản xuất nông nghiệp bền vững nên cần có nhiều giải pháp tích cực, đồng bộ từ nhận thức đến cơ chế chính sách và tổ chức chỉ đạo thực hiện với sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Theo đó, các giải pháp chủ yếu là:

Thứ nhất: Đổi mới nhận thức của các cấp các ngành và các doanh nghiệp và hàng chục triệu hộ nông thôn về môi trường sinh thái và quan hệ của nó đối với tăng trưởng kinh tế và đời sống dân cư nông thôn. Giải pháp này rất quan trọng vì có ý nghĩa quyết định đối với nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp về mức độ báo động đỏ của môi trường sinh thái nông thôn nước ta trong nhiều năm qua và hiện nay cũng như tác

động tiêu cực của nó. Do chưa đánh giá đúng mức vai trò của môi trường trong phát triển kinh tế, xã hội nông thôn nên có lúc, có nơi đã lấy tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá, kể cả sản xuất lương thực, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, nên đã gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường ở mức độ khác nhau. Và đến lượt nó, môi trường sinh thái bị phá vỡ, lập tức tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế. Do vậy, nâng cao nhận thức của mọi người về vai trò của môi trường sinh thái trong phát triển kinh tế-xã hội nói chung, nông nghiệp nông thôn nói riêng là rất cấp bách.

Thứ 2: Hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp theo hướng đất nào cây ấy gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Quy hoạch nông thôn bao gồm cả quy hoạch KCN, cụm công nghiệp, làng nghề, quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng, quy hoạch hệ thống các công trình xử lý chất thải, nước thải, chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, chế biến và tiêu thụ nông sản thủy sản. Quy hoạch sử dụng đất gắn với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của cả nước, từng vùng và từng địa phương, vùng sản xuất hàng hoá với hệ sinh thái cây trồng, vật nuôi, quy mô lớn, chất lượng cao. Trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên vùng đất phù hợp với phương châm ổn định, lâu dài và hiệu quả cao, khắc phục tình trạng tự phát, manh mún, tự cung tự cấp. Điều chỉnh quy hoạch sản xuất trên phạm vi cả nước theo hướng tập trung đầu tư các vùng trọng điểm có thế mạnh về sản xuất hàng hoá chất lượng cao.

Thứ 3: Bổ sung hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển nông thôn,

sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, trọng tâm là bảo vệ môi trường. Theo hướng đó, từ nay đến năm 2015 cần ổn định diện tích canh tác lúa ở mức 4 triệu ha, gieo trồng 2 vụ ăn chắc trong năm, xoá diện tích lúa vụ 3 ở đồng bằng sông Cửu Long để khắc phục tình trạng bóc lột đất, tăng nguy cơ lây lan sâu bệnh cho lúa, màu 2 vụ chính. Mở rộng diện tích vụ đông ở đồng bằng sông Hồng và các tỉnh phía Bắc lên 800 nghìn ha, ổn định diện tích các cây trồng khác như cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, điều, cây công nghiệp ngắn ngày, chăn nuôi tập trung quy mô trang trại... gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Giải pháp kỹ thuật là đầu tư chiều sâu, ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản, trồng rừng, khai thác thủy sản bền vững để tăng năng suất đi đôi với tăng chất lượng, độ sạch của sản phẩm, giảm chi phí trung gian, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới.

Thứ 4: Xây dựng mới và nhân rộng mô hình HTX dịch vụ môi trường nông thôn để vừa tạo thêm việc làm mới ngoài nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vừa bảo vệ môi trường sinh thái một cách bền vững lâu dài. Hiện nay cả nước có 134 HTX dịch vụ môi trường khu vực nông thôn, trong đó có 90 HTX thu gom rác thải. 47 HTX cung cấp nước sạch đang hoạt động có hiệu quả, nhưng phạm vi còn hẹp, cơ chế chính sách chưa rõ ràng, tính tự phát còn phổ biến. Vì vậy những năm tới Liên minh HTX Việt Nam cần phối hợp với các Bộ ngành liên quan, nhất là Bộ NN&PTNT, Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ KHCN tổng kết, đánh giá

và nhân rộng mô hình này với cơ chế, chính sách phù hợp.

Thứ 5: Hiện đại hoá công nghệ sau thu hoạch như phơi sấy, bảo quản, vận chuyển, chế biến nông lâm thủy sản theo hướng đồng bộ. Nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là điện, đường giao thông ở các vùng sản xuất nông sản hàng hoá lớn, chất lượng cao với nguồn vốn của Nhà nước và nguồn lực của các thành phần kinh tế, hộ nông dân phù hợp với lộ trình gia nhập WTO và điều kiện Việt Nam. Thu hút mạnh các dự án FDI vào sản xuất và chế biến nông lâm thủy sản, bằng các chính sách và cơ chế hấp dẫn, phát triển rừng, khai thác biển theo hướng bền vững. Các dự án FDI và các KCN, khu đô thị mới tại các vùng nông thôn nhất thiết phải gắn với yêu cầu bảo vệ tài nguyên thiên nhiên rừng biển đất đai, nguồn nước và môi trường sinh thái.

Thứ 6: Phát huy vai trò nòng cốt của Hội Nông dân trong xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại, phát triển nông nghiệp bền vững gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Hội Nông dân cần và đủ khả năng phát huy vai trò nòng cốt trong việc hướng dẫn, hỗ trợ hơn 10 triệu hội viên và nông dân trong xây dựng nông thôn mới gắn với sản xuất nông nghiệp theo cơ chế thị trường, chế biến và tiêu thụ nông sản, xuất khẩu gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Cần thể chế hoá chủ trương đưa nội dung bảo vệ môi trường sinh thái vào chương trình hoạt động của hệ thống tổ chức Hội Nông dân từ TW đến địa phương và cơ sở xã, thôn. Gắn các chỉ tiêu bảo vệ môi trường trong phong trào thi đua nông dân sản xuất giỏi với xây dựng làng văn hoá, làng môi trường nông thôn xanh, sạch đẹp. ■